

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

"Việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số" - từ 2010 đến tháng 6/2013

Căn cứ Chương trình hoạt động giám sát năm 2013 của Quốc hội và Kế hoạch số 292/KH-UBTVQH13, ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, triển khai thực hiện chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2013; Hội đồng Dân tộc của Quốc hội xây dựng kế hoạch giám sát: *"Việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số"* - từ năm 2010 đến tháng 6/2013.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Triển khai thực hiện Luật Dạy nghề, Chính phủ đã ban hành các chính sách về đào tạo, phát triển nghề, tạo việc làm, trong đó có chính sách về dạy nghề cho lao động nông thôn (Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020").

Hội đồng Dân tộc tổ chức giám sát chuyên đề *"Việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số"* - từ năm 2010 đến tháng 6/2013, nhằm mục đích:

1. Làm rõ thực trạng tình hình và kết quả thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020").

2. Nghiên cứu, tìm ra các nguyên nhân của những bất cập, tồn tại trong đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số, từ đó đưa ra các kiến nghị tiếp tục hoàn thiện các chính sách, pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm; đề xuất các giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát

- Thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn, tập trung vào đối tượng lao động, học sinh trong vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”).

- Số liệu báo cáo: từ năm 2010, đến hết tháng 6 năm 2013.

2. Đối tượng giám sát

2.1. Ở Trung ương

- Giám sát Chính phủ, các cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Lao động, thương binh & Xã hội, Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương, Ủy ban Dân tộc.

2.2. Ở địa phương

Giám sát Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về triển khai, thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số (phạm vi cả nước); tập trung giám sát các tỉnh, thành phố có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Trực tiếp giám sát tại một số địa phương đại diện các khu vực Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung bộ, Tây Nguyên, Tây Nam bộ.

III. NỘI DUNG GIÁM SÁT

Tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, trong đó làm rõ kết quả đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động khu vực nông thôn, lao động người dân tộc thiểu số.

(Nội dung báo cáo theo đề cương, biểu mẫu kèm Kế hoạch này)

IV. PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN GIÁM SÁT

1. Phương thức giám sát

1.1. Giám sát qua văn bản

- Hội đồng Dân tộc có văn bản đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố báo cáo: Tình hình, kết quả thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số (kết quả, số liệu tính từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2013).

- Nghiên cứu các báo cáo của Chính phủ, các Bộ và các địa phương.

- Tổ chức họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, yêu cầu các Bộ, ngành và một số địa phương báo cáo “Tình hình, kết quả thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số”, từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2013.

1.2. Giám sát trực tiếp

- Tổ chức giám sát, làm việc với các Bộ: nghe các Bộ báo cáo, giải trình làm rõ các yêu cầu của Hội đồng Dân tộc.

- Thành lập 05 đoàn, giám sát trực tiếp tại 12 tỉnh đại diện các khu vực:

+ Đoàn 1, giám sát tại 2 tỉnh: Cao Bằng và Hà Giang;

+ Đoàn 2, giám sát tại 2 tỉnh: Lào Cai và Sơn La;

+ Đoàn 3, giám sát tại 3 tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Gia Lai;

+ Đoàn 4, giám sát tại 3 tỉnh: Đắk Lắk, Khánh Hòa và Ninh Thuận;

+ Đoàn 5, giám sát tại 2 tỉnh: An Giang và Kiên Giang;

(Có danh sách kèm theo Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát)

1.3. Báo cáo kết quả giám sát

- Báo cáo của các Đoàn (gửi Thường trực Hội đồng Dân tộc);

- Báo cáo của Thường trực Hội đồng Dân tộc gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội (tại kỳ họp thứ sáu - Quốc hội khóa XIII, tháng 10/2013).

2. Tiến độ giám sát

2.1. Bước I (tháng 6/2013)

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch giám sát; Nghị quyết của Hội đồng Dân tộc thành lập các Đoàn giám sát; đề cương, biểu mẫu báo cáo giám sát.

- Gửi Nghị quyết, Kế hoạch, công văn và đề cương, biểu mẫu liên quan tới giám sát “Việc thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số”, đến Chính phủ, các Bộ, ngành, các địa phương.

- Đôn đốc Chính phủ, các Bộ ngành, các địa phương gửi báo cáo.

(Thời hạn gửi báo cáo cho Hội đồng Dân tộc: trước ngày 20/7/2013)

- Nghiên cứu, sưu tập, xây dựng bộ tài liệu phục vụ giám sát.

- Các Đoàn thống nhất kế hoạch, chương trình giám sát tại địa phương; gửi văn bản mời đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia, phối hợp giám sát tại địa phương.

2.2. Bước II (tháng 7 và tháng 8/2013)

- Từ 20/7 đến 30/7/2013:

+ Nghiên cứu tài liệu, báo cáo của bộ, ngành, các địa phương; chuẩn bị các điều kiện phục vụ các Đoàn giám sát tại địa phương;

+ Tiến hành giám sát tại các Bộ ngành ở trung ương;

+ Thường trực Hội đồng Dân tộc tổ chức họp (mở rộng) để nghe các các Bộ, ngành bổ sung, giải trình làm rõ các nội dung (theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng Dân tộc).

- Từ 01/8 đến 20/8/2013: Các Đoàn giám sát trực tiếp tại địa phương (theo kế hoạch của Đoàn).

- Từ 21/8 đến 30/8/ 2013: Các Đoàn hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng dân tộc.

2.3. Bước III (tháng 9 và tháng 10/2013)

- Từ 01/9 đến 10/9/2013: Tổng hợp, hoàn thành dự thảo báo cáo giám sát của Hội đồng dân tộc (dự thảo lần 1).

- Từ 11/9 đến 20/9/2013:

+ Họp Thường trực Hội đồng dân tộc: góp ý kiến, tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng dân tộc (dự thảo lần 2).

+ Lấy ý kiến tham gia của các chuyên gia, các cơ quan có liên quan cho dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng dân tộc.

- Từ 21/9 đến 30/9/2013:

+ Họp phiên toàn thể Hội đồng Dân tộc: góp ý kiến dự thảo báo cáo giám sát.

+ Tiếp thu các ý kiến, hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát.

- Tháng 10/2013: gửi báo cáo kết quả giám sát đến Ủy ban thường vụ Quốc hội và kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XIII.

- Kết thúc giám sát chuyên đề *"Việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số"* - từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2013.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc phân công đồng chí Giàng A Chu - Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Chủ trì giúp đồng chí Chủ tịch theo dõi triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát chuyên đề này.

2. Đồng chí Vụ trưởng Vụ Dân tộc: chịu trách nhiệm tham mưu, triển khai, phục vụ thực hiện Kế hoạch giám sát; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để chuẩn bị nội dung, bảo đảm các điều kiện triển khai, thực hiện Kế hoạch giám sát chuyên đề này.

3. Đề nghị đồng chí Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, ngành trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: thực hiện các nội dung theo Kế hoạch giám sát; chuẩn bị báo cáo đầy đủ các nội dung, yêu cầu (theo đề cương, biểu mẫu của Hội đồng dân tộc); các Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố tích cực phối hợp, tạo điều kiện để Hội đồng Dân tộc triển khai, hoàn thành kế hoạch giám sát chuyên đề này.

Trên đây là kế hoạch giám sát của Hội đồng Dân tộc về "Việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số" - từ năm 2010 đến tháng 6/2013.

Nơi nhận:

- PCTQH Huỳnh Ngọc Sơn (để B/c);
- PCTQH Tòng Thị Phóng (Để B/c);
- Thủ tướng Chính phủ;
- Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: LĐTB & XH, NN&PTNT, GD&ĐT, Quốc phòng, Tài chính; KH&ĐT; Công Thương; UBND;
- Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND các tỉnh;
- Thành viên HĐĐT;
- Lãnh đạo, Chuyên viên Vụ DT;
- Vụ TH;
- Lưu HC, Vụ DT (@);
- Số epas: 44105

**TM. HỘI ĐỒNG DÂN TỘC
CHỦ TỊCH**



Ksor Phước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1016/SY-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 7 năm 2013

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở NN&PTNT, LĐTB&XH;
- PVPNN, K1, K16;
- Lưu: VT (06b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA TỈNH

“Việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số” - từ năm 2010 đến tháng 6/2013

(Kèm theo Kế hoạch số 476 /KH- HĐDT13, ngày 24 tháng 6/2013 của Hội đồng Dân tộc)

A. Đặc điểm, tình hình kinh tế, xã hội

- Số đơn vị hành chính (thành phố, thị xã, huyện, xã); số huyện nghèo, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, biên giới, an toàn khu;
- Dân số toàn tỉnh, dân số các dân tộc thiểu số.
- Mức độ tăng trưởng kinh tế của địa phương (từ năm 2010 đến 2012, dự báo 2013). Thu, chi ngân sách trên địa bàn các năm 2010, 2011, 2012, kế hoạch năm 2013.
- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh, trong đó lao động người dân tộc thiểu số.
- Dân tộc thiểu số: số thành phần dân tộc, tỷ lệ người DTTS so với dân số toàn tỉnh và so với dân số khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số.
- Tỷ lệ giảm hộ nghèo hàng năm; số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chung cả tỉnh năm 2012 (theo tiêu chí giai đoạn 2011-2015); số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các hộ là dân tộc thiểu số.
- Thực trạng, chất lượng lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số.
- Số lượng lao động được đào tạo nghề, trong đó lao động người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề, chưa được đào tạo nghề; tỷ lệ được đào tạo nghề so với tổng số lao động toàn tỉnh.
- Kết quả giải quyết việc làm sau đào tạo nghề (so với kế hoạch). Số lượng lao động được các doanh nghiệp, tổ chức sắp xếp việc làm, lao động tự tạo việc làm.
- Thực trạng công tác quản lý nhà nước về lao động và dạy nghề.
- Hệ thống, số lượng, chất lượng các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn (số liệu toàn tỉnh, trong đó theo đơn vị hành chính và phân loại cơ sở đào tạo nghề).
- Đánh giá năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn (cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, chất lượng nghề đào tạo...).

B. Triển khai, thực hiện chính sách đào tạo nghề

I. Công tác chỉ đạo điều hành

1. Triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành trung ương.

2. Ban hành các văn bản chỉ đạo của địa phương để triển khai, thực hiện Đề án 1956 và nội dung đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn vùng dân tộc thiểu số (từ 2010 đến tháng 6/2013).

3. Việc thành lập và hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp (tỉnh, huyện, xã) và sự phối hợp của các sở, ngành, đơn vị tại địa phương trong thực hiện đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại địa phương.

4. Xây dựng kế hoạch, phê duyệt đề án đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

II. Kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo nghề

1. Kết quả các hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn vùng DTTS

1.1. Công tác tuyên truyền; tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số: những kết quả, tồn tại, nguyên nhân.

1.2. Hoạt động điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số.

- Kết quả điều tra, khảo sát xác định danh mục nghề đào tạo, nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

- Đánh giá, làm rõ những mặt chưa được: phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề; phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

- Đánh giá khả năng đáp ứng nghề đào tạo với nhu cầu của người học, nhu cầu sử dụng lao động tại địa phương.

- Các bất cập, tồn tại và nguyên nhân.

1.3. Kết quả triển khai, thực hiện thí điểm các mô hình dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động người dân tộc thiểu số (số mô hình, số huyện điểm, xã điểm). Mô hình có hiệu quả và bài học kinh nghiệm.

1.4. Hoạt động tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề

- Số cơ sở dạy nghề công lập, ngoài công lập đã được thành lập, đang hoạt động trên địa bàn -gắn với cơ quan chủ quản của các cơ sở dạy nghề.

- Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy, học nghề công của các cơ sở dạy nghề. Số cơ sở dạy nghề được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề theo tiêu chuẩn.

- Số huyện (thị) đã có trung tâm dạy nghề(TTĐN), trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề (công lập, ngoài công lập). Số huyện (thị) chưa có TTĐN. Số huyện (thị) đã bổ sung nhiệm vụ dạy nghề cho các Trung tâm Giáo dục thường xuyên (TTGDTX).

- Đánh giá quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư cho các cơ sở dạy nghề; kết quả sử dụng kinh phí; hiệu quả đầu tư.

- Đánh giá năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn. Số cơ sở dạy nghề hoạt động không hiệu quả, nguyên nhân.

- Những khó khăn, bất cập, tồn tại trong đầu tư, hoạt động của các cơ sở dạy nghề.

1.5. Hoạt động phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề

- Kết quả phê duyệt danh mục nghề, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số (nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp).

- Đánh giá chất lượng chương trình, nội dung giáo trình dạy nghề (theo từng chương trình dưới 3 tháng, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng).

1.6. Kết quả phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý dạy nghề.

- Số CSDNCL được bố trí giáo viên cơ hữu (so với nhu cầu). Nguyên nhân.

- Chất lượng đội ngũ giáo viên (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và năng lực sư phạm) dạy nghề của các cơ sở dạy nghề.

- Kết quả huy động nhà các khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao, tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số.

- Số huyện bố trí đủ cán bộ quản lý dạy nghề, cán bộ chuyên trách theo dõi công tác dạy nghề. Số huyện chưa bố trí đủ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên trách.

- Số cán bộ theo dõi công tác dạy nghề cấp xã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và tư vấn chọn nghề, tìm việc làm (đến tháng 6/2013).

- Số lượng, chất lượng cán bộ quản lý, theo dõi công tác dạy nghề;

1.7. Hoạt động hỗ trợ lao động nông thôn vùng DTTS học nghề

- Tình hình giao kế hoạch, thực hiện kế hoạch, ký hợp đồng dạy nghề, việc làm cho lao động nông thôn, vùng DTTS hàng năm (cấp xã, huyện, tỉnh);

- Vai trò chỉ đạo của Ban chỉ đạo; sự tham gia của các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể trong quá trình xây dựng kế hoạch dạy nghề hàng năm của tỉnh.

- Số nghề đã được UBND tỉnh phê duyệt cụ thể mức chi phí đào tạo; số nghề chưa được phê duyệt mức chi phí đào tạo.

- Tình hình thực hiện; các cơ quan, đơn vị được tính cấp kinh phí, được giao ký hợp đồng đào tạo với các CSDN (cấp Sở, UBND cấp huyện...)

- Tổng số hợp đồng đào tạo nghề đã được các cơ quan ký với các cơ sở dạy nghề trong 3 năm 2010 – 2013 (tách riêng số hợp đồng do cấp sở, cấp huyện ký);

- Số lao động nói chung, lao động DTTS được học nghề theo hợp đồng đào tạo nghề ký (cấp sở hoặc cấp huyện) từ 2010 – 6/2013.

- Số lao động khu vực nông thôn vùng DTTS được học nghề theo hình thức giao dự toán ngân sách cho cơ sở dạy nghề (không ký hợp đồng) từ 2010 – 6/2013.

- Số lao động nông thôn DTTS được học nghề; số đã học xong; số người có việc làm; trong đó, lao động nông thôn DTTS được học nghề, có việc làm ở các xã điểm, huyện điểm, mô hình thí điểm.

- Số lao động nông thôn DTTS sau học nghề được hỗ trợ vay vốn để tổ chức sản xuất; số có việc làm, thu nhập ổn định, thoát nghèo;

- Số lao động nông thôn DTTS sau học nghề đã chuyển sang nghề, có thu nhập từ nghề được đào tạo trở thành hộ khá trở lên;

- Số lượng và tỷ lệ lao động nông thôn DTTS sau học nghề làm việc trong từng lĩnh vực (nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ) từ năm 2010 – 6/2013.

- Đánh giá những khó khăn, tồn tại, bất cập, vi phạm trong hoạt động hỗ trợ lao động nông thôn vùng DTTS học nghề...

1.8. Cơ chế, chính sách và kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề, giải quyết việc làm (theo từng năm và từ 2010- tháng 6/2013).

1.9. Đánh giá hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề lao động nông thôn, vùng DTTS tại địa phương. Phát hiện và xử lý những tồn tại. Kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thực hiện hiệu quả Đề án 1956.

2. Đánh giá kết quả công tác xuất khẩu lao động là người dân tộc thiểu số

2.1. Số lượng được tuyển chọn và đào tạo mới. Kết quả xuất khẩu lao động (theo từng năm và từ 2010- tháng 6/2013).

2.2. Đánh giá hiệu quả thực hiện xuất khẩu lao động (tăng thu nhập và số hộ thoát nghèo nhờ có người đi xuất khẩu lao động).

2.3. Những khó khăn, bất cập, tồn tại trong thực hiện xuất khẩu lao động.

C. Đánh giá thực hiện đào tạo nghề, giải quyết việc làm từ 2010 – 6/2013

1. Những mặt được

2. Những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

D. Kiến nghị, đề xuất

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG, LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM (ĐẾN THÁNG 6/2013) TỈNH.....

Biểu số 1

[illegible]

Người lập

Ngày tháng năm 2013
TM. UBND TỈNH, TP.....
(ký tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM (TỪ NĂM 2010 ĐẾN THÁNG 6/2013) TỈNH.....

Biểu số 2

TT	Tên đơn vị	Số lao động trong độ tuổi		Lao động được đào tạo nghề dưới 1 năm		Lao động được đào tạo Trung cấp nghề		Lao động được đào tạo Cao Đẳng nghề		Lao động qua đào tạo được bố trí việc làm		Xuất khẩu lao động	
		Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Huyện.....												
2													
3													
Tổng cộng													

Người lập

Ngày tháng năm 2013
TM. UBND TỈNH, TP.....
(ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....

Biểu số 3

STT	Tên cơ sở đào tạo	Trình độ nghề được phép đào tạo	Quy mô đào tạo (người/năm)	Số giáo viên		Ngành, nghề được đào tạo			Lao động được đào tạo qua các năm							
				Giáo viên cơ hữu	Giáo viên thỉnh giảng	Tổng số ngành, nghề	Nghề nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	2010		2011		2012		6 tháng/2013	
									Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Cơ sở.....															
2																
3																
Tổng cộng																

Người lập

Ngày tháng năm 2013
TM. UBND TỈNH, TP.....
(ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỆ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM (TỪ 2010 ĐẾN THÁNG 6/2013) TỈNH.....

ĐVT: Triệu đồng

Biểu số 4

[illegible]

Người lập

Ngày tháng năm 2013
TM. UBND TỈNH, TP.....
(ký tên, đóng dấu)